

CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG - NHIỆT ĐIỆN GIA LAI

Số: 75.../2015/CBTT-SEC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 15... tháng 11. năm 2015

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG - NHIỆT ĐIỆN GIA LAI

Trụ sở chính: 561 Trần Hưng Đạo - Thị xã Ayunpa - Gia Lai

Điện thoại: 059.3657.217 (ext: 2005)

Fax: 059.3657.236

Người được ủy quyền công bố thông tin: Nguyễn Văn Kiên

Địa chỉ: 561 Trần Hưng Đạo - Thị xã Ayunpa - Gia Lai

Điện thoại: 059.3657.217 (ext: 2005)

Fax: 059.3657.236

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính riêng quý 1 năm tài chính 2015/2016.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm: Báo cáo tài chính riêng quý 1 năm tài chính 2015/2016.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH



Nguyễn Văn Kiên

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.



CÔNG TY CP MÍA ĐƯỜNG - NHIỆT ĐIỆN GIA LAI
Gia Lai Cane Sugar ThermoElectricity Joint Stock Company

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I

Niên độ Tài chính 01/07/2015 - 30/06/2016

☎ 059.3657345 - Fax: 059.3657229

Mail: secgl@secgialai.vn

Công ty cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai

Bảng cân đối kế toán riêng

Quý I năm tài chính 2015 bắt đầu 1 tháng 7 năm 2015 đến 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. Minh	30/09/2015	30/06/2015
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		437.956.390.337	608.791.784.628
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	59.812.532.442	58.463.683.622
Tiền	111		7.812.532.442	4.463.683.622
Các khoản tương đương tiền	112		52.000.000.000	54.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	297.571.382.993	358.942.184.431
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		123.935.578.560	229.586.997.951
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		152.164.257.123	107.100.435.038
Phải thu ngắn hạn khác	136		21.752.578.750	22.535.782.882
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(281.031.440)	(281.031.440)
Hàng tồn kho	140	7	64.975.887.460	190.991.294.818
Hàng tồn kho	141		64.975.887.460	190.991.294.818
Tài sản ngắn hạn khác	150		15.596.587.442	394.621.757
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		15.513.605.933	361.053.894
Thuế GTGT được khấu trừ	152		52.761.113	33.567.863
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		30.220.396	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		803.374.384.857	802.263.601.549
Các khoản phải thu dài hạn	210		2.195.715.577	1.943.859.337
Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	2.186.715.577	1.934.859.337
Phải thu dài hạn khác	216		9.000.000	9.000.000
Tài sản cố định	220		644.732.440.993	661.502.597.262
Tài sản cố định hữu hình	221	9	573.351.747.047	588.924.497.876
Nguyên giá	222		892.080.736.562	892.919.879.460
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(318.728.989.515)	(303.995.381.584)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	10	71.337.909.026	72.578.099.386
Nguyên giá	225		73.806.109.637	73.806.109.637
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.468.200.611)	(1.228.010.251)
Tài sản cố định vô hình	227	11	42.784.920	0
Nguyên giá	228		632.686.516	589.186.516
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(589.901.596)	(589.186.516)
Tài sản dở dang dài hạn	240	12	6.335.374.872	300.664.123
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		6.335.374.872	300.664.123
Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	128.761.052.545	116.761.052.545
Đầu tư vào công ty con	251		112.345.180.545	100.345.180.545
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		16.415.872.000	16.415.872.000
Tài sản dài hạn khác	260	14	21.349.800.870	21.755.428.282
Chi phí trả trước dài hạn	261		21.349.800.870	21.755.428.282
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.241.330.775.194	1.411.055.386.177

Công ty cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai

Bảng cân đối kế toán riêng

Quý I năm tài chính 2015 bắt đầu 1 tháng 7 năm 2015 đến 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. Minh	30/09/2015		30/06/2015	
NỢ PHẢI TRẢ	300		752.309.239.164		927.926.512.317	
Nợ ngắn hạn	310		477.336.448.620		645.477.420.054	
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	16.899.582.119		42.857.154.786	
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.855.827.216		4.678.420.115	
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	16	1.934.709.315		3.821.791.200	
Phải trả người lao động	314		4.249.759.471		9.269.542.478	
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	12.819.709.501		42.819.302.139	
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	6.256.945.624		5.071.286.366	
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	427.211.144.291		535.406.506.363	
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	3.108.771.083		1.553.416.607	
Nợ dài hạn	330		274.972.790.544		282.449.092.263	
Phải trả dài hạn khác	337		185.500.000		185.500.000	
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	274.787.290.544		282.263.592.263	
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		489.021.536.030		483.128.873.860	
Vốn chủ sở hữu	410	22	489.021.536.030		483.128.873.860	
Vốn góp của chủ sở hữu	411		389.998.760.000		389.998.760.000	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	23	389.998.760.000		389.998.760.000	
Thặng dư vốn cổ phần	412		(255.383.119)		(255.383.119)	
Quỹ đầu tư phát triển	418		54.362.914.423		54.362.914.423	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		44.915.244.726		39.022.582.556	
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		35.917.743.932		15.952.483.861	
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.997.500.794		23.070.098.695	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.241.330.775.194		1.411.055.386.177	

Ngày 12 tháng 11 năm 2015

Người lập



Dương Thúy Hằng

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Kim Cương

Tổng Giám đốc



Nguyễn Bá Chủ

Công ty cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai

Báo cáo kết quả kinh doanh riêng

Quý I năm tài chính 2015 bắt đầu 1 tháng 7 năm 2015 đến 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số Code	Th. Minh	Từ 01/07/2015 đến 30/09/2015	Từ 01/07/2014 đến 30/09/2014
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	184.686.121.233	106.433.928.153
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	10.700.909	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	24	184.675.420.324	106.433.928.153
Giá vốn hàng bán	11	25	157.279.591.770	82.651.113.622
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.395.828.554	23.782.814.531
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	3.781.250.918	4.919.036.635
Chi phí tài chính	22	27	14.202.450.128	8.081.999.616
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		14.202.450.128	7.995.332.949
Chi phí bán hàng	25	28	1.929.849.629	1.843.346.631
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	6.657.687.185	7.099.563.085
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.387.092.530	11.676.941.834
Thu nhập khác	31	30	2.375.675.385	389.563.457
Chi phí khác	32		1.566.390.063	
Lợi nhuận khác	40		809.285.322	389.563.457
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		9.196.377.852	12.066.505.291
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	198.877.058	2.734.490.797
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.997.500.794	9.332.014.494
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	32	231	239
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			

Ngày 12 tháng 11 năm 2015

Người lập



Dương Thúy Hằng

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Kim Cường

Tổng Giám đốc



Nguyễn Bá Chủ

Công ty cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Phương pháp gián tiếp)
Quý I năm tài chính 2015 bắt đầu 1 tháng 7 năm 2015 đến 30 tháng 6 năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Đơn vị tính: VND	
			Từ 01/07/2015 đến 30/09/2015	Từ 01/07/2014 đến 30/09/2014
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		9.196.377.852	12.066.505.291
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		17.068.615.855	10.641.384.727
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.489.479.439)	(4.919.036.635)
- Chi phí lãi vay	06		14.202.450.128	8.081.999.616
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		35.977.964.396	25.870.852.999
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		64.098.513.411	(28.864.710.476)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		126.015.407.358	78.327.295.253
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(67.864.882.848)	(4.401.155.264)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(14.746.924.627)	(17.303.017.358)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(7.018.177.123)	(7.102.792.067)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.101.294.743)	(5.833.287.966)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		134.360.605.824	40.693.185.121
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		(8.365.089.545)	(54.048.863.380)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	23		2.272.727.273	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	24		(53.334.100.000)	(40.560.250.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	25		53.082.243.760	20.133.824.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		(12.000.000.000)	(47.459.780.545)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	28		1.004.125.299	618.052.008
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(17.340.093.213)	(121.317.017.917)

Công ty cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Phương pháp gián tiếp)
Quý I năm tài chính 2015 bắt đầu 1 tháng 7 năm 2015 đến 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Từ 01/07/2015 đến 30/09/2015	Từ 01/07/2014 đến 30/09/2014
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		167.741.936.318	175.462.911.842
Tiền trả nợ gốc vay	34		(283.413.600.109)	(199.180.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(115.671.663.791)	(23.717.088.158)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		1.348.848.820	(104.340.920.954)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		58.463.683.622	155.362.336.666
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5	59.812.532.442	51.021.415.712

Ngày 12 tháng 11 năm 2015

Người lập



Dương Thúy Hằng

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Kim Cương

Tổng Giám đốc



Nguyễn Bá Chủ

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng

Quý I năm tài chính 2015 bắt đầu ngày 1 tháng 7 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09 – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía; trồng cây mía; sản xuất và phân phối điện; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chế biến hàng nông sản; sản xuất và kinh doanh phân bón và đầu tư tài chính.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015, Công ty có 496 nhân viên trong đó: 121 nhân viên là công nhật (30/6/2015: 375 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Trong những năm trước, kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, Công ty thay đổi kỳ kế toán năm như sau:

- Kỳ kế toán đầu tiên sau thay đổi là từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014;
- Kỳ kế toán các năm tiếp theo là từ ngày 1 tháng 7 năm này đến ngày 30 tháng 6 năm sau.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

(e) Áp dụng hướng dẫn mới về chế độ kế toán cho các doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 năm 2015.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc kỳ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều



Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng

Quý I năm tài chính 2015 bắt đầu ngày 1 tháng 7 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09 – DN

rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Các khoản lãi đầu tư nhận được từ các khoản lợi nhuận phát sinh trước ngày Công ty mua khoản đầu tư đó được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị các khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Trả trước cho người bán

Trong khoản trả trước cho người bán có các khoản trả trước cho nông dân trồng mía được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng cho các khoản trả trước quá hạn. Dự phòng cho các khoản trả trước quá hạn được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa và vật kiến trúc 5 – 50 năm
- Máy móc và thiết bị 3 – 20 năm
- Phương tiện vận chuyển 5 – 10 năm
- Thiết bị văn phòng 3 – 10 năm

30
ON
OI
A B
HIỆ
GU
UNI

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng

Quý I năm tài chính 2015 bắt đầu ngày 1 tháng 7 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09 – DN

(h) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(g).

(i) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 4 đến 5 năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất là từ 43 đến 50 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(n) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính trước hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

276
GT
PH
JON
DI
LA
AT

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng

Quý I năm tài chính 2015 bắt đầu ngày 1 tháng 7 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09 – DN

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - Tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa là các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các tài sản tài chính được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các tài sản tài chính mà Công ty nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:



Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng

Quý I năm tài chính 2015 bắt đầu ngày 1 tháng 7 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09 – DN

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - Khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
 - Là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(o) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập dựa trên quyết định của các cổ đông tại đại hội cổ đông hàng năm. Quỹ này được sử dụng duy nhất cho việc chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày lập báo cáo tài chính, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

(r) Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên quyết định của các cổ đông tại đại hội cổ đông hàng năm.



(s) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(t) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

(v) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

(w) Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các các cổ đông, các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. Báo cáo bộ phận

Công ty chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất, là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

* S.Đ.K.K *

Công ty cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng
Quý I năm tài chính 2015 bắt đầu 1 tháng 7 năm 2015 đến 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09 – DN
 Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/09/2015	30/06/2015
Tiền mặt	242.958.314	92.365.399
Tiền gửi ngân hàng	7.569.574.128	4.371.318.223
Các khoản tương đương tiền	52.000.000.000	54.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	59.812.532.442	58.463.683.622

6. Các khoản phải thu ngắn hạn

Phải thu ngắn hạn của khách hàng gồm:

	30/09/2015	30/06/2015
Công ty CP Giao Dịch Hàng Hóa Sơn Tín	-	36.765.615.000
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Thành Thành Công	-	89.934.669.499
Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Bến Tre	-	45.657.455.956
Công ty CP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh	109.230.876.864	39.005.530.336
Công ty CP Khai Thác và QL KCN Đặng Huỳnh	12.200.000.000	-
Khách hàng khác	2.504.701.696	18.223.727.160
	123.935.578.560	229.586.997.951

Trả trước cho người bán ngắn hạn bao gồm:

	30/09/2015	30/06/2015
Ứng trước ngắn hạn cho nông dân trồng mía	145.680.161.441	102.879.155.443
Trả trước ngắn hạn cho người bán	6.484.095.682	4.221.279.595
	152.164.257.123	107.100.435.038

Các khoản ứng trước cho nông dân trồng mía không có đảm bảo và hưởng lãi suất năm từ 7% đến 9,9% trong kỳ. Các khoản ứng trước được thu hồi tối đa không quá 1 năm kể từ ngày giải ngân

Các khoản phải thu ngắn hạn khác gồm:

	30/09/2015	30/06/2015
Phải thu từ thanh lý cổ phiếu Công ty CP Điện Gia Lai	15.723.136.000	15.723.136.000
Lãi phải thu từ khoản ứng trước cho nông dân trồng mía	2.814.854.829	1.186.554.404
Lãi phải thu từ khoản thanh toán chậm và các khoản cho đơn vị khác vay	1.520.865.271	3.853.859.301
Phải thu khác	1.693.722.650	1.772.233.177
	21.752.578.750	22.535.782.882

Công ty cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng
Quý I năm tài chính 2015 bắt đầu 1 tháng 7 năm 2015 đến 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09 – DN
Đơn vị tính: VND

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(281.031.440)	(281.031.440)
------------------------------------	---------------	---------------

7. Hàng tồn kho

	30/09/2015	30/06/2015
Nguyên vật liệu	15.912.914.496	16.024.054.501
Công cụ dụng cụ	4.439.767.498	4.660.271.974
Sản phẩm dở dang	16.928.190.852	1.096.280.770
Thành phẩm	27.446.826.524	168.742.679.078
Hàng hóa	248.188.090	468.008.495
	64.975.887.460	190.991.294.818

Tại ngày 30/9/2015, hàng tồn kho của Công ty với giá trị ghi sổ 64.979 triệu VND (30/6/2015: 190.991 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo các khoản vay của Công ty.

8. Phải thu về cho vay dài hạn

	Từ 1/7/2015 đến 30/9/2015	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015
Số dư đầu kỳ	1.934.859.337	2.980.451.165
Các khoản đầu tư mới trong kỳ	334.100.000	660.250.000
Thu hồi các khoản đầu tư trong kỳ	(82.243.760)	(1.705.841.828)
Số dư cuối kỳ	2.186.715.577	1.934.859.337

Các khoản cho vay cấp cho nông dân trồng mía không có đảm bảo và hưởng lãi suất từ 4,95% đến 9,9% trong kỳ.
 Các khoản cho vay này được thu hồi trong thời gian từ 3 đến 5 năm kể từ ngày cấp

04
 ÔN
 Ô P
 Đ
 H
 IA
 VP

Công ty cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng

Quý I năm tài chính 2015 bắt đầu 1 tháng 7 năm 2015 đến 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09 – DN

Đơn vị tính: VND

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Tổng
Nguyên giá					
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2015	153.827.195.577	726.424.393.328	10.632.121.582	2.036.168.973	892.919.879.460
Tăng trong kỳ	653.053.408	694.762.000	475.241.694		1.823.057.102
Thanh lý			(2.662.200.000)		(2.662.200.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2015	154.480.248.985	727.119.155.328	8.445.163.276	2.036.168.973	892.080.736.562
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2015	50.427.265.574	248.079.027.010	4.056.754.126	1.432.334.874	303.995.381.584
Khấu hao trong kỳ	2.261.106.941	13.168.461.622	338.070.360	63.670.256	15.831.309.179
Thanh lý			(1.097.701.248)		(1.097.701.248)
Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2015	52.688.372.515	261.247.488.632	3.297.123.238	1.496.005.130	318.728.989.515
Giá trị còn lại					
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2015	103.399.930.003	478.345.366.318	6.575.367.456	603.834.099	588.924.497.876
Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2015	101.791.876.470	465.871.666.696	5.148.040.038	540.163.843	573.351.747.047

Công ty cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng

Quý I năm tài chính 2015 bắt đầu 1 tháng 7 năm 2015 đến 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09 – DN

Đơn vị tính: VND

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại 519.933 triệu VND (tại ngày 30/6/2015: 532.298 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 109.674 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 (30/6/2015: 109.674 triệu VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

10. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị
Nguyên giá	
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2015	73.806.109.637
Tăng trong kỳ	
Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2015	<u>73.806.109.637</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2015	1.228.010.251
Khấu hao trong kỳ	1.240.190.360
Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2015	<u>2.468.200.611</u>
Giá trị còn lại	
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2015	72.578.099.386
Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2015	<u>71.337.909.026</u>



Công ty cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng

Quý I năm tài chính 2015 bắt đầu 1 tháng 7 năm 2015 đến 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09 – DN

Đơn vị tính: VND

11. Tài sản cố định vô hình

**Phần mềm
quản lý**

Nguyên giá

Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2015	589.186.516
Tăng trong kỳ	43.500.000
Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2015	<u>632.686.516</u>

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2015	589.186.516
Khấu hao trong kỳ	715.080
Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2015	<u>589.901.596</u>

Giá trị còn lại

Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2015	-
Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2015	<u>42.784.920</u>

Trong tài sản cố định vô hình có tài sản có nguyên giá 589 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 (30/6/2015: 589 triệu VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	Từ 1/7/2015 đến 30/9/2015	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015
Số dư đầu kỳ	300.664.123	28.100.474.970
Tăng trong kỳ	7.057.764.157	249.177.354.513
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.023.053.408)	(276.977.165.360)
Số dư cuối kỳ	<u>6.335.374.872</u>	<u>300.664.123</u>

Công ty cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng

Quý I năm tài chính 2015 bắt đầu 1 tháng 7 năm 2015 đến 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09 – DN

Đơn vị tính: VND

13. Các khoản đầu tư tài chính

	30/09/2015				30/06/2015			
	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND
Đầu tư vào các công ty con								
➤ Công ty TNHH MTV Nhiệt điện (*)	-	100%	100%	97.356.780.545	-	100%	100%	85.356.780.545
➤ TTCGL Private Limited Company (**)	-	100%	100%	14.988.400.000	-	100%	100%	14.988.400.000
				<u>112.345.180.545</u>				<u>100.345.180.545</u>
Đầu tư tài chính dài hạn khác vào cổ phiếu của:								
➤ Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công	420.000	14%	14%	4.200.000.000	420.000	14%	14%	4.200.000.000
➤ Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	381.746	6,6%	6,6%	12.215.872.000	381.746	6,6%	6,6%	12.215.872.000
				<u>16.415.872.000</u>				<u>16.415.872.000</u>
				<u>128.761.052.545</u>				<u>116.761.052.545</u>

Công ty cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng****Quý I năm tài chính 2015 bắt đầu 1 tháng 7 năm 2015 đến 30 tháng 6 năm 2016****Mẫu B 09 – DN***Đơn vị tính: VND*

(* Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Gia Lai ("GTC") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5900974477 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 9 tháng 12 năm 2013. Hoạt động chính của GTC là sản xuất, truyền tải và phân phối điện; lắp đặt hệ thống điện; kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng và xây dựng công trình

(**) TTCGL Private Limited Company ("TTCGL") được thành lập tại Singapore theo Giấy chứng nhận Đầu tư Nước ngoài số 739 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 27 tháng 8 năm 2014. Hoạt động chính của TTCGL là kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía và các sản phẩm nông sản khác.

Biến động các khoản đầu tư vào công ty con trong kỳ như sau:

	Từ 1/7/2015 đến 30/9/2015	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015
Số dư đầu kỳ	100.345.180.545	8.447.000.000
Các khoản đầu tư mới trong kỳ	12.000.000.000	91.898.180.545
Số dư cuối kỳ	112.345.180.545	100.345.180.545

Biến động các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác trong kỳ như sau:

	Từ 1/7/2015 đến 30/9/2015	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015
Số dư đầu kỳ	16.415.872.000	18.541.575.000
Các khoản đầu tư mới trong kỳ	-	12.215.872.000
Thanh lý	-	(14.341.575.000)
Số dư cuối kỳ	16.415.872.000	16.415.872.000

14. Chi phí trả trước dài hạn

	30/09/2015
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2015	21.755.428.282
Tăng trong kỳ	1.029.131.093
Phân bổ trong kỳ	(1.434.758.505)
Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2015	21.349.800.870

Công ty cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng

Quý I năm tài chính 2015 bắt đầu 1 tháng 7 năm 2015 đến 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09 – DN

Đơn vị tính: VND

15. Người trả người bán

Phải trả người bán bao gồm:	30/09/2015	30/06/2015
Công ty CP cơ điện và xây lắp Hùng Vương	9.357.850.298	592.275.724
Công ty TNHH Hồng Nhung	-	10.272.887.500
Công ty TNHH TM đầu tư Thuận thiên	-	21.983.226.000
Công ty Cổ Phần Hùng Long	2.045.778.916	-
Phải trả khác	5.495.952.905	10.008.765.562
	16.899.582.119	42.857.154.786

16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	30/06/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/09/2015
Các khoản Thuế phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	1.634.731.112	5.123.150.588	5.176.604.396	1.581.277.304
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.872.197.289	198.877.058	2.101.294.743	-
Thuế thu nhập cá nhân	314.309.859	268.577.379	263.998.935	338.888.303
Thuế tài nguyên		9.222.130	12.345.838	3.123.708
Các loại thuế khác	552.940	12.420.000	1.552.940	11.420.000
	3.821.791.200	5.612.247.155	7.555.796.852	1.934.709.315

17. Chi phí phải trả

	30/09/2015	30/06/2015
Mua tài sản cố định	4.433.250.120	23.040.883.137
Chi phí bổ sung giá mía cuối vụ cho nông dân trồng mía	428.746.623	10.332.406.142
Chi phí lãi vay	7.184.273.505	7.013.906.008
Chi phí hoạt động	400.962.091	1.524.330.952
Chi phí vận chuyển	372.477.162	907.775.900
	12.819.709.501	42.819.302.139

Công ty cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng
Quý I năm tài chính 2015 bắt đầu 1 tháng 7 năm 2015 đến 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09 – DN
Đơn vị tính: VND

18. Các khoản phải trả ngắn hạn

	30/09/2015	30/06/2015
Kinh phí công đoàn	193.406.974	199.636.441
Bảo hiểm xã hội	288.699.680	647.011.817
Bảo hiểm y tế	70.201.190	131.040.856
Bảo hiểm thất nghiệp	25.797.902	52.639.807
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.405.551.140	2.703.348.140
Phải trả khác	4.273.288.738	1.337.609.305
	6.256.945.624	5.071.286.366

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/09/2015	Tăng	Giảm	30/06/2015
Vay ngắn hạn	382.273.315.206	158.740.530.765	(279.123.600.109)	502.656.384.550
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	44.937.829.085	16.477.707.272	(4.290.000.000)	32.750.121.813
	427.211.144.291	175.218.238.037	(283.413.600.109)	535.406.506.363

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn sau:

	Đơn vị	Lãi suất	30/09/2015	30/06/2015
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam (a)	VND	4,9% - 6,2%	105.000.000.000	40.000.000.000
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam (b)	VND	5,5%	50.000.000.000	50.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	6,25%	-	59.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VND	4,1% - 4,2%	-	80.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương (d)	VND	5,5% - 5,7%	133.044.971.556	194.760.902.050
Ngân hàng Malayan Banking Berhard - Chi nhánh HCM (f)	VND	5,7% - 6,1%	30.000.000.000	49.000.000.000
Ngân hàng Malayan Banking Berhard - Chi nhánh Hà Nội	VND	5,7%	-	18.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (g)	VND	6,5%	64.228.343.650	11.895.482.500
			382.273.315.206	502.656.384.550

Công ty cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng

Quý I năm tài chính 2015 bắt đầu 1 tháng 7 năm 2015 đến 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09 – DN

Đơn vị tính: VND

(a) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 4.790.000 Đô la Mỹ (30/06/2015: 4.790.000 Đô la Mỹ) và được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu của Công ty.

(b) Khoản vay này có hạn mức tối đa 2.500.000 Đô la Mỹ và được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu của Công ty

(d) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 200 tỷ VND và không được đảm bảo

(f) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 2.500.000 Đô la Mỹ và được đảm bảo bằng các khoản phải thu của Công ty

(g) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 80 tỷ VND và không được đảm bảo

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Từ 1/7/2015 đến 30/9/2015	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015
Số dư đầu kỳ	1.553.416.607	1.848.098.030
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối kỳ trước	3.104.838.624	-
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối trong kỳ	-	4.137.713.524
Sử dụng trong kỳ	(1.549.484.148)	(4.432.394.947)
Số dư cuối kỳ	3.108.771.083	1.553.416.607

21. Vay dài hạn

	30/09/2015	Tăng	Giảm	30/06/2015
Vay dài hạn	260.166.730.579	9.001.405.553	(4.290.000.000)	255.455.325.026
Nợ thuê tài chính	59.558.389.050	-	-	59.558.389.050
	319.725.119.629	9.001.405.553	(4.290.000.000)	315.013.714.076
	30/09/2015			30/06/2015
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	319.725.119.629			315.013.714.076
Hoàn trả trong vòng mười hai tháng	(44.937.829.085)			(32.750.121.813)
Hoàn trả sau mười hai tháng	274.787.290.544			282.263.592.263

Công ty cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng

Quý I năm tài chính 2015 bắt đầu 1 tháng 7 năm 2015 đến 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09 – DN

Đơn vị tính: VND

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Đơn vị	Lãi suất	Năm đáo hạn	30/09/2015	30/06/2015
Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (a)					
• Khoản vay 1	VND	8,00%	2021	92.557.000.000	96.417.000.000
• Khoản vay 2	VND	8,0% - 8,5%	2022	143.894.763.068	135.146.357.515
• Khoản vay 3	VND	8,0% - 8,5%	2022	6.434.681.888	6.181.681.888
Khoản vay từ Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam (b)					
• Khoản vay 1	VND	5,4%	2019	7.420.000.000	7.850.000.000
Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam					
• Khoản vay 1 (c)	VND	8,5%	2020	5.390.055.623	5.390.055.623
• Khoản vay 2 (d)	VND	9%	2020	4.470.230.000	4.470.230.000
				260.166.730.579	255.455.325.026

- (a) Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của Công ty; máy móc, thiết bị và tài sản cố định trong dự án nâng cấp công suất nhà máy từ 3.200 lên 6.000 TMN; quyền bán điện trong Hợp đồng mua bán điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Bao gồm các khoản vay sau:

Khoản vay 1 có hạn mức tối đa là 108.069 triệu VND. Số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 được hoàn trả trong 24 quý bằng nhau, mỗi quý trả 3.860 triệu VND. Kỳ hoàn trả cuối cùng là vào ngày 9 tháng 10 năm 2022.

Khoản vay 2 có hạn mức tối đa là 245.922 triệu VND. Số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 được hoàn trả trong 28 quý bằng nhau, mỗi quý trả 5.139 triệu VND. Kỳ hoàn trả cuối cùng là vào ngày 9 tháng 10 năm 2022.

Khoản vay 3 có hạn mức tối đa là 30.600 triệu VND. Số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 được hoàn trả trong 26 quý bằng nhau, mỗi quý trả 247 triệu VND. Kỳ hoàn trả cuối cùng là vào ngày 13 tháng 2 năm 2022.

- (b) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 10 tỷ VND và được đảm bảo bởi Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam. Số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 được hoàn trả trong 18 quý bằng nhau, mỗi quý trả 430 triệu VND. Kỳ hoàn trả cuối cùng vào ngày 25 tháng 12 năm 2019.
- (c) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 7.231 triệu VND và được đảm bảo bằng máy móc thiết bị của Công ty với giá trị còn lại là 8.885 triệu VND. Khoản vay này được hoàn trả theo lịch trình được thống nhất giữa Ngân hàng và Công ty
- (d) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 5.774 triệu VND và được đảm bảo bằng máy móc thiết bị của Công ty với giá trị còn lại là 7.443 triệu VND. Khoản vay này được hoàn trả theo lịch trình được thống nhất giữa Ngân hàng và Công ty

Công ty cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng
Quý I năm tài chính 2015 bắt đầu 1 tháng 7 năm 2015 đến 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09 – DN
Đơn vị tính: VND

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

30/09/2015			
Thời hạn	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống	10.979.591.261	3.779.591.261	7.200.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	50.372.088.850	11.972.088.850	38.400.000.000
Trên 5 năm	14.882.608.487	924.219.437	13.958.389.050
	76.234.288.598	16.675.899.548	59.558.389.050

30/06/2015			
Thời hạn	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống	12.635.513.887	5.435.513.887	7.200.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	51.037.204.897	12.637.204.897	38.400.000.000
Trên 5 năm	14.933.954.011	975.564.961	13.958.389.050
	78.606.672.795	19.048.283.745	59.558.389.050

C.T.C.P.H.V.

Công ty cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai
 Thuyết minh báo cáo tài chính riêng
 Quý I năm tài chính 2015 bắt đầu 1 tháng 7 năm 2015 đến 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09 – DN
 Đơn vị tính: VND

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2014	389.998.760.000	(255.500.000)	(1.044.000)	50.203.485.241	39.090.135.385	479.035.836.626
Phát hành cổ phiếu quỹ		116.881	1.044.000			1.160.881
Lợi nhuận trong kỳ					27.729.527.877	27.729.527.877
Phân bổ vào quỹ				4.159.429.182	(4.159.429.182)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi					(4.137.713.524)	(4.137.713.524)
Cổ tức					(19.499.938.000)	(19.499.938.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2015	389.998.760.000	(255.383.119)	-	54.362.914.423	39.022.582.556	483.128.873.860
Phát hành lại cổ phiếu quỹ					8.997.500.794	8.997.500.794
Lợi nhuận thuần trong kỳ					(3.104.838.624)	(3.104.838.624)
Phân bổ vào các quỹ						-
Cổ tức						-
Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2015		(255.383.119)	-	54.362.914.423	44.915.244.726	489.021.536.030

Công ty cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng
Quý I năm tài chính 2015 bắt đầu 1 tháng 7 năm 2015 đến 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09 – DN
Đơn vị tính: VND

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và phát hành của Công ty là:

	30/09/2015		30/09/2014	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	38.999.876	389.998.760.000	38.999.876	389.998.760.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	38.999.876	389.998.760.000	38.999.876	389.998.760.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	-		-	
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	38.999.876	389.998.760.000	38.999.876	389.998.760.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với các cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại. Đến ngày 30 tháng 9 năm 2015 toàn bộ cổ phiếu ngừng giao dịch để làm thủ tục hoán đổi cổ phiếu sang SBT

Biến động vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ trong kỳ như sau:

	Từ 1/7/2015 đến 30/9/2015		Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	38.999.876	389.998.760.000	38.999.772	389.997.720.000
Cổ phiếu phát hành trong kỳ				
Phát hành lại cổ phiếu quỹ vào ngày 16 tháng 9 năm 2014			104	1.040.000
Số dư cuối kỳ	38.999.876	389.998.760.000	38.999.876	389.998.760.000



Công ty cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng**

Quý I năm tài chính 2015 bắt đầu 1 tháng 7 năm 2015 đến 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09 – DN
Đơn vị tính: VND**24. Tổng doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Từ 1/7/2015 đến 30/9/2015	Từ 1/7/2014 đến 30/9/2014
Tổng doanh thu		
• Đường	151.150.442.197	102.859.058.724
• Mật ri	14.062.383.808	1.778.557.143
• Bùn, tro, bã	2.919.954.791	8.024.761
• Phân bón	15.578.703.050	1.702.671.615
• Các sản phẩm khác	974.637.387	85.615.910
	184.686.121.233	106.433.928.153
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
• Chiết khấu hàng bán	10.700.909	
Doanh thu thuần	184.675.420.324	106.433.928.153

25. Giá vốn hàng bán

	Từ 1/7/2015 đến 30/9/2015	Từ 1/7/2014 đến 30/9/2014
Tổng giá vốn bán hàng		
• Đường	124.325.285.150	79.408.709.528
• Mật ri	13.982.838.659	1.778.445.502
• Bùn, tro, bã	2.922.707.305	6.311.538
• Phân bón	15.210.126.661	1.407.994.603
• Các sản phẩm khác	838.633.995	49.652.451
	157.279.591.770	82.651.113.622

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 1/7/2015 đến 30/9/2015	Từ 1/7/2014 đến 30/9/2014
Lãi từ các khoản ứng trước cho nông dân trồng mía	834.520.422	3.243.820.220
Lãi do thanh toán chậm	2.500.879.781	150.471.379
Lãi từ các khoản cho các bên khác vay	415.624.999	689.916.667
Lãi tiền gửi ngân hàng	30.225.716	834.828.369
	3.781.250.918	4.919.036.635

004
ON
OP
A Đ
HIỆT
GIA
UNP

Công ty cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng

Quý I năm tài chính 2015 bắt đầu 1 tháng 7 năm 2015 đến 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09 – DN
Đơn vị tính: VND

27. Chi phí tài chính

	Từ 1/7/2015 đến 30/9/2015	Từ 1/7/2014 đến 30/9/2014
Chi phí lãi vay	14.202.450.128	7.995.332.949
Chi phí tài chính khác	-	86.666.667
	14.202.450.128	8.081.999.616

28. Chi phí bán hàng

	Từ 1/7/2015 đến 30/9/2015	Từ 1/7/2014 đến 30/9/2014
Chi phí nhân viên	209.993.230	145.204.187
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	296.391.545	16.268.668
Chi phí khấu hao TSCĐ	867.838.208	438.899.616
Chi phí dịch vụ mua ngoài	537.405.366	974.001.200
Chi phí bằng tiền khác	18.221.280	268.972.960
	1.929.849.629	1.843.346.631

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 1/7/2015 đến 30/9/2015	Từ 1/7/2014 đến 30/9/2014
Chi phí nhân viên	3.358.602.139	2.528.386.595
Chi phí dụng cụ văn phòng	198.523.487	436.090.286
Chi phí khấu hao TSCĐ	387.599.543	408.589.659
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.418.661.913	1.800.220.893
Chi phí bằng tiền khác	1.294.300.103	1.926.275.652
	6.657.687.185	7.099.563.085

30. Thu nhập khác

	Từ 1/7/2015 đến 30/9/2015	Từ 1/7/2014 đến 30/9/2014
Thu từ thanh lý tài sản cố định	2.272.727.273	-
Thu từ thanh lý phế liệu	-	344.563.457
Thu nhập khác	102.948.112	45.000.000
	2.375.675.385	389.563.457



Công ty cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng

Quý I năm tài chính 2015 bắt đầu 1 tháng 7 năm 2015 đến 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09 – DN

Đơn vị tính: VND

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng

	Từ 1/7/2015 đến 30/9/2015	Từ 1/7/2014 đến 30/9/2014
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Kỳ hiện hành	198.877.058	2.734.490.797

(b) Thuế suất áp dụng

Theo các điều kiện khoản trong Giấy phép Đầu tư và các quy định thuế hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập như sau:

- Đối với lợi nhuận tính thuế từ dự án nâng công suất nhà máy đường từ 3.200 TMN lên 6.000 TMN: Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm tính từ năm đầu tiên Công ty phát sinh lợi nhuận tính thuế và được giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo
- Đối với phần thu nhập của sản phẩm (Đường và các phụ phẩm như: Bã mía, bã bùn, tro, Mật) chế biến từ nông sản (Cây Mía) theo Khoản 1a Điều 6 thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 thì phần thu nhập đó được miễn thuế TNDN, thời gian miễn thuế áp dụng cho kỳ tính thuế năm 2014 (năm tài chính 2014) bắt đầu từ ngày 01/01/2015 trở đi.
- Thuế suất 22% đối với lợi nhuận tính thuế từ thu nhập khác và từ dự án nhà máy đường ngoại trừ những khoản ưu đãi thuế trên.

32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông VND và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Từ 1/7/2015 đến 30/9/2015	Từ 1/7/2014 đến 30/9/2014
Lợi nhuận thuần trong kỳ	8.997.500.794	9.332.014.494
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	8.997.500.794	9.332.014.494

Công ty cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng
Quý I năm tài chính 2015 bắt đầu 1 tháng 7 năm 2015 đến 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09 – DN
Đơn vị tính: VND

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Từ 1/7/2015 đến 30/9/2015	Từ 1/7/2014 đến 30/9/2014
Cổ phiếu phổ thông phát hành đầu kỳ	38.999.876	38.999.876
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành trong kỳ		
Ảnh hưởng của việc phát hành lại cổ phiếu quỹ trong kỳ		
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	<u>38.999.876</u>	<u>38.999.876</u>

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng này, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

	Từ 1/7/2015 đến 30/9/2015
Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh	
Bán thành phẩm	116.039.315.049
Mua tài sản cố định	463.821.694
Lãi trả chậm tiền hàng	213.916.668

Ngày 12 tháng 11 năm 2015

Người lập

Dương Thúy Hằng

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Kim Cương



Nguyễn Bá Chủ